

Bản án số: 04/2022/KDTM-PT

Ngày: 02 – 6 – 2022.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Hưng.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thành Long và ông Nguyễn Duy Phượng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Bà Hoàng Thị Ngọc Tú - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2022/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân A.

Địa chỉ: Thôn Quang Xá, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Luyến, sinh năm 1966.

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Trường, sinh năm 1985 và ông Hoàng Ngọc Chiến, sinh năm 1976.

Văn bản ủy quyền số 25/2021/GUQ-QTDQH ngày 20/10/2021.

Ông Nguyễn Xuân Trường và ông Hoàng Ngọc Chiến đều có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Xuân H, sinh năm 1961 và bà Tống Thị C, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Thôn Ngũ Lão, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

3. *Người kháng cáo:* Ông Lê Xuân H, sinh năm 1961 và bà Tống Thị C, sinh năm 1964.

Ông H, bà C có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số: NH00400914/HĐTD ký kết giữa Quỹ tín dụng nhân dân A với ông Lê Xuân H và bà Tống Thị C, ngày 17/04/2017 ông H và bà C đã vay Quỹ tín dụng nhân dân A số tiền 120.900.000 đồng, lãi suất tại thời điểm vay là 1%/ tháng, mục đích vay là sản xuất và chăn nuôi, thời hạn vay 12 tháng, trả nợ gốc 01 lần vào ngày 17/04/2018, trả lãi theo Quý, lãi suất quá hạn là 1,5%/tháng. Bên vay đã được giải ngân toàn bộ số vay thể hiện tại giấy nhận nợ ngày 17/4/2017.

Kể từ khi vay, tạm tính đến ngày 17/12/2021, bên vay mới trả được 20.000.000 đồng tiền gốc ngoài ra không trả cho quỹ được đồng nào. Đến thời hạn trả nợ theo hợp đồng, ông H, bà C không thực hiện việc trả nợ theo hợp đồng nên từ ngày 17/4/2018 cho đến nay số nợ gốc còn lại là 100.900.000 đồng của ông H, bà C đã chuyển thành nợ quá hạn.

Quỹ tín dụng nhân dân A đã nhiều lần thông báo bằng văn bản yêu cầu ông H, bà C trả nợ nhưng ông H, bà C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tạm tính đến ngày 27/01/2022, ông H, bà C còn nợ như sau:

Số tiền nợ gốc là 100.900.000 đồng. Tiền lãi trong hạn: Từ ngày 17/04/2017 đến 17/04/2018 là 14.709.500 đồng. Lãi quá hạn: Tạm tính từ ngày 17/04/2018 đến ngày 27/01/2022 là 75.915.450 đồng.

Tổng cộng tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn ông H, bà C còn nợ là: 191.524.950 đồng.

Quỹ tín dụng nhân dân A khởi kiện, yêu cầu bên vay là ông H, bà C cụ thể như sau:

1. Buộc ông Lê Xuân H và bà Tống Thị C phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân A toàn bộ số nợ gồm:

Số tiền nợ gốc là 100.900.000 đồng. Tiền lãi trong hạn: Từ ngày 17/04/2017 đến 17/04/2018 là 14.709.500 đồng. Lãi quá hạn: Tạm tính từ ngày 17/04/2018 đến ngày 27/01/2022 là 75.915.450 đồng.

Tổng cộng tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn ông H, bà C còn nợ là: 191.524.950 đồng.

2. Kể từ ngày 27/01/2022, nếu bên vay không trả được tiền nợ gốc thì bên vay còn phải chịu lãi suất quá hạn như hợp đồng tín dụng đã ký với Quỹ tín dụng nhân dân A cho đến khi trả hết nợ.

Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Ông Lê Xuân H là bị đơn trình bày:

Năm 2017, do cần vốn làm ăn nên đã vay quỹ tín dụng nhân dân A số tiền 120.900.000 đồng, lãi suất là 01%/tháng. Khi vay có thể chấp tài sản là nhà đất nhưng chỉ có xác nhận của UBND xã vì đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông H, bà C vẫn trả lãi hàng tháng nhưng khi Quỹ dừng hoạt động thì không trả nữa, đầu năm 2021, Quỹ tín dụng đã yêu cầu ông, bà trả nợ, ông bà nhất trí trả mỗi tháng 3.000.000 đồng, ông bà vẫn trả nhưng Quỹ tín dụng đã khởi kiện yêu cầu trả nợ. Số tiền trả bao nhiêu ông, bà không nhớ rõ. Về yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân A, bị đơn có 02 quan điểm: Bên vay khẳng định còn nợ số tiền gốc là 100.900.000 đồng, số tiền lãi trong hạn, quá hạn như nguyên đơn đã tính toán.

Bên vay trình bày do khó khăn nên đề nghị nguyên đơn cho xin toàn bộ số tiền lãi, đối với số tiền nợ gốc, bên vay xin được trả dần. Ngoài ra bên vay không còn yêu cầu gì khác.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 27 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ đã quyết định:

Áp dụng Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 3; 6; khoản 2 Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân A. Buộc ông Lê Xuân H và bà Tổng Thị C phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân A toàn bộ số tiền gồm:

Toàn bộ số tiền nợ gốc là 100.900.000 đồng.

Tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/01/2022) là 90.624.950 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/01/2022) ông H, bà C phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân A là: 191.524.950 đồng (Một trăm chín mươi một triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm năm mươi đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 10 tháng 02 năm 2022, bị đơn là ông Lê Xuân H và bà Tổng Thị C kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

1. Cho vợ chồng ông được miễn giảm toàn bộ phần lãi trong hạn và lãi quá hạn mà bên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông phải thanh toán.

2. Cho ông, bà được miễn giảm tiền án phí phải nộp tại Tòa án do tuổi của ông đã cao và thuộc diện được miễn giảm tiền án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn, ông Nguyễn Xuân Trường giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng. Đối với người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Xuân H; không chấp nhận kháng cáo của bà Tống Thị C. Sửa Bản án sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 27/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ theo hướng: Ông Lê Xuân H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; bà Tống Thị C phải chịu 4.788.123 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Đương sự không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, nghe quan điểm trình bày của đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn kháng cáo và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn quy định của pháp luật, nên kháng cáo của bị đơn được cấp phúc thẩm xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là ông Lê Xuân H và bà Tống Thị C có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là ông Lê Xuân H và bà Tống Thị C.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 17/4/2017, Quỹ tín dụng nhân dân A cho ông H, bà C vay số tiền 120.900.000 đồng, mục đích vay là sản xuất và chăn nuôi. Cho đến nay, ông H, bà C đã trả được 20.000.000 đồng tiền nợ gốc. Ông H, bà C còn nợ tạm tính đến ngày 27/01/2022 tiền nợ gốc là 100.900.000 đồng, lãi trong hạn là 14.709.500 đồng, lãi quá hạn tạm tính từ ngày 17/04/2018 đến ngày 27/01/2022 là 75.915.450 đồng.

Bên vay thừa nhận số tiền nợ gốc như yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị trả dần số nợ gốc, xin toàn bộ số tiền lãi nhưng nguyên đơn không đồng ý. Mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận mức lãi theo thỏa thuận của các bên. Căn cứ theo quy định tại Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng Nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận

yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông H, bà C phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 100.900.000 đồng và lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền chậm trả lãi trong hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/01/2022) là 191.524.950 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Xuân H và bà Tống Thị C, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

[3]. Về án phí: Ông H và bà C kháng cáo không được chấp nhận. Tuy ông H có yêu cầu xin được miễn giảm án phí nhưng không có đơn đề nghị và hồ sơ nộp cho Tòa án theo quy định nên không có căn cứ để miễn giảm án phí cho ông H. Vì vậy, ông H và bà C phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Xuân H và bà Tống Thị C. Giữ nguyên bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

2. Về án phí: Ông Lê Xuân H và bà Tống Thị C phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí phúc thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí ông H và bà C đã nộp tại biên lai thu số: 0006075 ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên. Đương sự đã nộp đủ án phí.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- TAND huyện Phù Cừ;
- Chi cục THADS huyện Phù Cừ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HSVA, Lưu VP; Tòa Hành chính.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Hưng

